

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

BÀI GIẢNG

MÔN HỌC/ MÔ ĐUN: Quản lý nhà nước về văn hóa

NGÀNH/NGHỀ: Quản lý văn hóa

(Áp dụng cho Trình độ trung cấp.)

LƯU HÀNH NỘI BỘ
NĂM 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Quản lý nhà nước về văn hóa là sự tác động liên tục, có tổ chức, có chủ đích của Nhà nước bằng hệ thống pháp luật và bộ máy của mình, nhằm phát triển văn hóa, điều chỉnh hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực văn hóa và liên quan, với mục đích giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Trong quá trình đổi mới thể chế, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đã tạo những tiền đề, điều kiện, môi trường,, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với văn hóa. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với văn hóa, cũng như vai trò của tất cả các chủ thể trong xã hội về văn hóa, đã tạo nên bước phát triển mới của nền văn hóa Việt Nam.

MỤC LỤC

	TRANG
1. Lời giới thiệu	02
2 Chương 1: Khái niệm quản lý văn hóa và đặc điểm quản lý văn hóa	04
3. Chương 2: Quan điểm quản lý văn hóa của ĐCSVN	11
4. Chương 3: Những yêu cầu đối với quản lý văn hóa	38
5. Chương 4: Các nguyên tắc của quản lý văn hóa	43
6. Chương 5 : Các phương thức quản lý văn hóa	20
7.Chương 6 : Phương pháp quản lý văn hóa	45
8.Chương 7: Quản lý văn hóa trong cơ chế thị trường	46

Chương 1: Khái niệm quản lý văn hóa và đặc điểm quản lý văn hóa

Mục tiêu:

- Trình bày và phân tích khái niệm quản lý văn hóa,
- Trình bày đặc điểm của quản lý văn hóa
- Trình bày phạm vi và phạm vi của quản lý văn hóa

Nội dung:

1.1. Khái niệm quản lý.

1.1.1. Định nghĩa:

Theo F. Taylor: Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm, và sau đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất. Sau này ông Lerence chủ tịch hiệp hội các nhà kinh doanh Mỹ đã khái quát quan điểm của F. Taylor và cho rằng: Quản lý là thông qua người khác để đạt được mục tiêu của mình. [20, tr.11].

Cùng thời với F. Taylor, nhà quản lý hành chính người Pháp là H. Fayol lại định nghĩa quản lý theo các chức năng của nó. Theo H. Fayol: “*Quản lý là dự đoán và lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, phối hợp và kiểm tra.*” [15, tr.32]

Trong tác phẩm “*Những vấn đề cốt yếu của quản lý*” Harold Koontz cho rằng: “*Quản lý là một dạng thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp nỗ lực cá nhân nhằm đạt được mục tiêu của nhóm. Ngoài ra ông còn cho rằng: Mục tiêu của nhà quản lý là nhằm hình thành một môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc, và sự bất mãn cá nhân ít nhất. Với tư cách thực hành thì quản lý là một nghệ thuật, còn kiến thức có tổ chức về quản lý là một khoa học*” [22. tr.33]

Theo Paul Hersey và KenBlanc Heard trong cuốn “*Quản lý nguồn nhân lực*” thì: *Quản lý là một quá trình cùng làm việc giữa nhà quản lý và người bị quản lý nhằm thông qua hoạt động của cá nhân, của nhóm, huy động các nguồn lực khác để đạt mục tiêu của tổ chức.*” [12, tr.17].

Ở Việt Nam tác giả Trần Kiêm cho rằng: “*Quản lý là những tác hoạch định của chủ thể quản lý trong việc huy động, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức(chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất* [17, tr.74].

Vũ Dũng và Nguyễn Thị Mai Lan cho rằng: “*Quản lý là sự tác động có định hướng, có mục đích, có kế hoạch và có hệ thống thông tin của chủ thể đến khách thể của nó*” [10]

Theo Trần Quốc Thành: “*Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý để chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình quản lý xã hội, hành vi và hành động của con người nhằm đạt tới mục đích, đúng với ý chí nhà quản lý, phù hợp với quy luật khách quan*” (33, tr.11).

Theo Nguyễn Quốc Chí và Đặng Thị Mỹ Lộc: “*Hoạt động quản lý là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (*

người bị quản lý) trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt mục đích của tổ chức” (29, tr.16).

Cho dù cách tiếp cận nào thì bản chất của hoạt động quản lý là cách thức tác động (tổ chức, điều khiển, kiểm tra) hợp quy luật của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành đạt hiệu quả mong muốn và đạt mục tiêu đã đề ra. Quản lý vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật

– Quản lý là khoa học vì nó là lĩnh vực tri thức được hệ thống hóa và là đối tượng nghiên cứu khách quan đặc biệt. Quản lý là khoa học phân loại kiến thức, giải thích các mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể quản lý, dự báo kết quả .

– Quản lý là nghệ thuật bởi lẽ nó là hoạt động đặc biệt, trong đó quan hệ quan trọng nhất là con người, đòi hỏi phải vận dụng hết sức khéo léo, linh hoạt những kinh nghiệm đã quan sát được, những tri thức đã được đúc kết. Nghệ thuật đó thể hiện ở thái độ cư xử có văn hoá, khôn ngoan và tế nhị, trong việc vận dụng các nguyên tắc chung vào từng con người cụ thể. Nói cho cùng, nghệ thuật quản lý con người cũng là dựa trên các qui luật tâm lý học .

1.1.2. Vai trò của quản lý.

Quản lý nhà nước về văn hóa có các đặc điểm sau:

Một là, chủ thể quản lý nhà nước về văn hóa là Nhà nước. Nhà nước Việt Nam được tổ chức thống nhất từ Trung ương đến các địa phương, quyền quản lý được phân cấp: Cấp trung ương, cấp tỉnh (tỉnh và các thành phố trực thuộc Trung ương), cấp huyện (huyện thuộc tỉnh, quận thuộc thành phố), cấp xã (xã thuộc huyện, phường thuộc quận). Quản lý nhà nước về văn hóa ở cấp nào thì cơ quan nhà nước cấp ấy là chủ thể quản lý. Quản lý nhà nước về văn hóa ở cấp xã thì ủy ban nhân dân xã là chủ thể quản lý nhà nước. Công chức làm công tác văn hóa - xã hội ở cấp xã có trách nhiệm giúp ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn cấp xã.

Hai là, khách thể quản lý nhà nước về văn hóa là văn hóa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa hoặc có liên quan đến lĩnh vực văn hóa. Văn hóa với tư cách là khách thể quản lý được hiểu theo nghĩa cụ thể là: Các hoạt động văn hóa (trong đó có các dịch vụ văn hóa, hoạt động sáng tạo...) và các giá trị văn hóa (cụ thể là các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể). Mặt khác, theo sự phân công trong hệ thống các cơ quan nhà nước các cấp, không phải toàn bộ hoạt động văn hóa hiểu theo nghĩa rộng đều do ngành văn hóa quản lý. Văn hóa giáo dục, khoa học công nghệ... do cơ quan giáo dục, khoa học công nghệ quản lý.

Ba là, mục đích quản lý nhà nước về văn hóa là giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa truyền thống của Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, trong hoạt động quản lý nhà nước văn hóa ở từng cấp, từng địa phương, từng hoạt động thì mục đích quản lý nhà nước về văn hóa phải được xác định cụ thể sát với yêu cầu nhiệm vụ và hoàn cảnh của địa phương. Ví dụ quản lý nhà

nước về Chương trình mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở thì cấp trung ương mục đích là gì; cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là gì, phải được xác định một cách cụ thể. Có như vậy hoạt động quản lý mới hiệu quả.

Bốn là, cơ sở pháp lý của quản lý nhà nước về văn hóa là Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật. Như vậy, quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về văn hóa nói riêng có công cụ là hệ thống luật và các văn bản có tính pháp quy. Quản lý bằng pháp luật chứ không phải bằng ý chí của nhà quản lý.

Năm là, cách thức quản lý là “sự tác động liên tục, có tổ chức, có chủ đích” chứ không phải là việc làm có tính thời vụ, cũng không phải là sự thụ động của nhà quản lý, càng không phải là hoạt động đơn lẻ, tùy tiện của nhà quản lý.

Đối với người làm công tác quản lý nhà nước về văn hóa phải luôn tự đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi: Ai là người quản lý? Quản lý ai và quản lý cái gì? Quản lý vì cái gì? Trong tay mình đang có công cụ nào để quản lý? Ngoài 4 câu hỏi cơ bản trên, người quản lý có kinh nghiệm còn biết đặt một số câu hỏi có tính nghiệp vụ khác: Mình đã nắm chắc các công cụ đó chưa? (luật và các văn bản quy phạm pháp luật). Hoạt động quản lý đang diễn ra trong điều kiện, hoàn cảnh nào? Trách nhiệm và quyền hạn quản lý nhà nước của cấp mình đến đâu?... Người làm công tác quản lý nhà nước về văn hóa dù ở cấp nào cũng cần trả lời các câu hỏi trên một cách thuần thực mới có thể thực thi nhiệm vụ quản lý có hiệu quả.

2. Quản lý văn hóa trong giai đoạn hiện nay

Quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường là một trong những lĩnh vực có rất nhiều vấn đề đặt ra. Việc xác định vấn đề nào là trọng tâm trong quản lý nhà nước về văn hóa hiện nay có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả quản lý. Cần quan tâm một số vấn đề sau trong quản lý nhà nước về văn hóa hiện nay:

- Trong thực tiễn hoạt động nhiều năm qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, một vấn đề lớn đặt ra là: Phát triển văn hóa chưa đồng bộ với phát triển kinh tế dẫn đến nhiều hệ lụy về phát triển xã hội, đồng thời làm cho phát triển kinh tế thiếu bền vững. Nguyên nhân chính của vấn đề đó là: Nhận thức chưa đầy đủ về văn hóa trong hoạt động thực tiễn, đặc biệt trong hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa.

- Đổi mới kinh tế đi trước một bước. Đó là sự sáng tạo trong hoàn cảnh cụ thể ở nước ta chỉ có thể đạt hiệu quả với điều kiện phải nhận thức đúng là: Kinh tế đi trước một bước để tiếp tục đổi mới văn hóa - xã hội đồng bộ cùng với phát triển kinh tế. “Đi trước một bước” không có nghĩa là đổi mới kinh tế xong mới đổi mới văn hóa, “hy sinh văn hóa” để phát triển kinh tế. Trên thực tế, nhiều nơi, nhiều lúc yếu tố văn hóa đã bị coi nhẹ vì phát triển kinh tế. Nhìn tổng thể, đổi mới văn hóa chưa theo kịp đổi mới kinh tế.

- Vai trò quản lý nhà nước về văn hóa chưa được nhận thức đúng đắn. Trong xã hội có người cho rằng văn hóa là nhu cầu của con người, nó phát sinh, phát triển theo nhu cầu tự nhiên, hãy để nó phát triển theo quy luật vốn có của nó. Những người có quan niệm như vậy không nhiều, nhưng quan niệm ấy lại là cái cớ để tồn tại những lệch lạc

trong nhìn nhận quản lý nhà nước về văn hóa: Quản lý hay không quản lý thì văn hóa cũng cứ phát triển theo đường đi của nó.

- Đổi mới nhận thức về quản lý nhà nước bắt kịp so với phát triển văn hóa. Các hoạt động văn hóa ngày càng đa dạng, các dịch vụ văn hóa cũng phát triển khá mạnh, một mặt đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội, mặt khác cũng gây nhiều hệ lụy với những đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, gây tâm trạng bất an trong xã hội. Quản lý nhà nước không theo kịp sự phát triển, thêm vào đó tồn tại cách hiểu sai “quản lý đến đâu, phát triển đến đó” dẫn đến nhận thức lệch lạc, quy quản lý nhà nước vào một việc cho và không cho (sinh ra tệ xin - cho với bao hệ lụy đi kèm), dẫn đến cách quản lý hạn chế sự phát triển “không quản lý được thì cấm”!

Nói tóm lại, vấn đề nhận thức cho đúng quản lý nhà nước về văn hóa là gì, mục đích, ý nghĩa và cách thức quản lý ra sao, vẫn là những câu hỏi lớn đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần nghiên cứu, trao đổi, thảo luận làm sáng tỏ.

3. Đặc điểm về văn hóa khu vực trung du, miền núi, vùng dân tộc thiểu số

Ở khu vực trung du, miền núi, vùng cao, các dân tộc cư trú tương đối tập trung. Song nhìn chung các dân tộc sống xen kẽ nhau, không có lãnh thổ riêng biệt như một số nước trên thế giới. Địa bàn cư trú của người Kinh chủ yếu ở đồng bằng, ven biển và trung du; còn các dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở các vùng trung du, miền núi và vùng cao, một số dân tộc như Khơme, Hoa, một số ít người Chăm sống ở đồng bằng. Các dân tộc thiểu số có sự tập trung ở một số vùng, nhưng không cư trú thành những khu vực riêng biệt mà sống xen kẽ với các dân tộc khác. Cách đây khoảng nửa thế kỷ, Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng, hầu hết cư dân vẫn là người tại chỗ, mỗi dân tộc đều có khu vực cư trú riêng, ranh giới giữa các tộc người, giữa các bản làng còn rõ ràng thì nay tình hình đã khác xa và xu hướng này còn tiếp tục gia tăng. Hiện nay, dân tộc Kinh cư trú ở Đắk Lắk chiếm tỷ lệ khá lớn. Cùng với người Kinh, các dân tộc thiểu số ở miền Bắc gần đây cũng di chuyển vào khu vực này (kể cả di chuyển theo kế hoạch và không theo kế hoạch) với số lượng khá lớn. Hiện nay, ở miền núi hầu như không có tỉnh, huyện nào chỉ có một dân tộc cư trú. Nhiều tỉnh có tới trên 20 dân tộc cư trú như: Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng... Phần lớn các huyện có từ 5 dân tộc trở lên cư trú. Nhiều xã, bản, buôn có tới 3-4 dân tộc cùng sinh sống.

Tình trạng cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ở nước ta, một mặt có điều kiện để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, hoà hợp và xích lại gần nhau; mặt khác cần đề phòng trường hợp do chưa thật hiểu nhau, khác nhau về phong tục tập quán nên xuất hiện mâu thuẫn, tranh chấp về lợi ích nhất là lợi ích kinh tế, dẫn đến va chạm giữa những người thuộc các dân tộc cùng sống trên một địa bàn. Ngày nay, tình trạng cư trú xen kẽ của các dân tộc chủ yếu dẫn tới sự giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các dân tộc cũng như sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Do sống gần nhau, việc kết hôn giữa thanh niên nam, nữ thuộc các dân tộc khác nhau ngày càng phổ biến, càng có thêm điều kiện đoàn kết và hoà hợp giữa các dân tộc anh em.

Phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú ở vùng trung du, miền núi và vùng cao, chiếm 3/4 diện tích cả nước. Đây là khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn mà trước hết là tiềm lực về tài nguyên rừng và đất rừng. Không những thế, trung du, miền núi còn có vai trò đặc biệt quan trọng về môi trường sinh thái đối với cả nước như điều hòa khí hậu, điều tiết nguồn nước, bảo vệ lớp đất màu trong mùa mưa lũ.

Vị trí chiến lược quan trọng của khu vực trung du, miền núi đã được thực tế lịch sử khẳng định. Từ xưa đến nay, các thế lực thù địch bên ngoài đều sử dụng địa bàn miền núi để xâm lược, xâm nhập, phá hoại sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Rừng núi đã từng là căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, Nhật, Mỹ. Trong giai đoạn hiện nay, miền núi - biên giới là thành lũy vững chắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, chống âm mưu xâm nhập, gây bạo loạn, lật đổ bảo vệ sự nghiệp hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội

Ở vùng biên giới, một số dân tộc có quan hệ đồng tộc với dân tộc của các nước láng giềng nên khách quan có nhu cầu thăm thân, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ở hai bên biên giới. Bởi vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta không chỉ vì lợi ích của các dân tộc thiểu số mà còn vì lợi ích của cả nước, không chỉ là đối nội mà còn là đối ngoại, không chỉ về kinh tế - xã hội, mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia.

Do những nguyên nhân lịch sử, xã hội và hoàn cảnh tự nhiên nên các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau. Các dân tộc sống ở vùng thấp có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn các dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Có những dân tộc thiểu số có đời sống kinh tế - xã hội còn thấp kém. Nhiều dân tộc cư trú trên địa bàn có điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, khắc nghiệt. Điều kiện canh tác nương rẫy không ổn định nên đời sống của đồng bào thường bấp bênh. Cuộc sống du canh, du cư thường dẫn tới đói nghèo, bệnh tật.

Khu vực trung du, miền núi vùng dân tộc thiểu số là khu vực địa - văn hóa, địa - kinh tế, địa - chính trị... có đặc điểm riêng, khác với khu vực đồng bằng, ven biển, hải đảo. Trong quá trình sinh sống tại các khu vực địa lý khác nhau từ Bắc vào Nam, từ các khu vực rẻo cao, rẻo giữa, cao nguyên hay thung lũng, chân núi, đồng bằng, ven biển, châu thổ..., đồng bào các dân tộc đã sáng tạo ra nhiều giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đặc sắc mang đậm dấu ấn gắn với các điều kiện tự nhiên, vùng địa lý. Đó là những giá trị văn hóa do các cộng đồng dân tộc sáng tạo trong quá trình sinh tồn và phát triển giàu bản sắc riêng, tạo nên tính đa dạng trong tính thống nhất của văn hóa Việt Nam.

Cùng với nền văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa mang bản sắc riêng từ lâu đời, phản ánh truyền thống, lịch sử và niềm tự hào dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần, bao gồm tiếng nói, chữ viết, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, y phục, tâm lý, tình cảm, phong tục, tập quán, tín ngưỡng... được sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Sự phát triển rực rỡ bản sắc văn hóa mỗi dân tộc càng làm phong phú nền văn

hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thống nhất trong đa dạng là nét riêng, độc đáo của nền văn hóa các dân tộc Việt Nam. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao và nhu cầu phát triển từng dân tộc.

Vấn đề đặt ra trong quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch trên địa bàn xã khu vực trung du, miền núi vùng dân tộc đối với công chức làm công tác văn hóa - xã hội cấp xã là rất lớn, phức tạp và khó khăn đòi hỏi người cán bộ không chỉ có trang bị và nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý mà còn phải có tình yêu quê hương, hiểu biết sâu sắc về quê hương bản quán, phong tục tập quán, bản sắc dân tộc và những xu thế biến đổi của thế giới, đất nước, địa phương đặc biệt là trên địa bàn xã trong phạm vi quản lý để kịp thời điều chỉnh những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch cho phù hợp và ngày càng phát triển, đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn xã.

1.2. Quản lý Văn hóa

1.2.1. Khái niệm văn hóa.

Văn hóa là gì? Theo GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm, Từ “văn hoá” có nhiều nghĩa, nó được dùng để chỉ những khái niệm có nội hàm hết sức khác nhau. Tuy được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau, nhưng suy cho cùng, khái niệm “văn hoá” bao giờ cũng có thể quy về hai cách hiểu chính: theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa hẹp, **văn hoá** được giới hạn theo chiều sâu hoặc theo chiều rộng, theo không gian hoặc theo thời gian... Giới hạn theo chiều sâu, văn hóa được hiểu là những giá trị tinh hoa của nó (nếp sống văn hoá, văn hoá nghệ thuật...). Giới hạn theo chiều rộng, **văn hoá** được dùng để chỉ những giá trị trong từng lĩnh vực (văn hoá giao tiếp, văn hoá kinh doanh...). Giới hạn theo không gian, **văn hoá** được dùng để chỉ những giá trị đặc thù của từng vùng (văn hoá Tây Nguyên, văn hoá Nam Bộ...). Giới hạn theo thời gian, văn hoá được dùng để chỉ những giá trị trong từng giai đoạn (văn hoá Hoà Bình, văn hoá Đông Sơn...)...

Theo nghĩa rộng, *văn hoá* thường được xem là bao gồm tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Năm 1940, Hồ Chí Minh đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [Hồ Chí Minh 1995: 431].

Federico Mayor, Tổng giám đốc UNESCO, cho biết: “Đối với một số người, văn hóa chỉ bao gồm những kiệt tác tuyệt vời trong các lĩnh vực tư duy và sáng tạo; đối với

những người khác, văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động. Cách hiểu thứ hai này đã được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hoá họp năm 1970 tại Venice” [UNESCO 1989: 5].

Theo Đoàn Văn Chúc cho rằng: Văn hóa – vô sở bất tại: **Văn hóa** – không nơi nào không có! Điều này cho thấy tất cả những sáng tạo của con người trên nền của thế giới tự nhiên là văn hóa, nơi nào có con người nơi đó có văn hóa.

Khi nghiên cứu về bản sắc văn hóa Việt Nam, Trần Ngọc Thêm cho rằng: Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin. Cũng chính vì thế văn hóa biểu trưng cho sự phát triển của loài người qua các thế hệ. Một đất nước giàu truyền thống văn hóa là một đất nước giàu có về tinh thần Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song, chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt – Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam. Bộ GD-ĐT, NXB Văn hóa Thông tin – 1999 [tr. 1796] thì **văn hóa** là (1) những giá trị vật chất, tinh thần do con người tạo ra trong lịch sử: nền văn hóa các dân tộc; kho tàng văn hóa dân tộc. (2) Đời sống tinh thần của con người: phát triển kinh tế và văn hóa; chú ý đời sống văn hóa của nhân dân. (3) Tri thức khoa học, trình độ học vấn: trình độ văn hóa; học các môn văn hóa. (4) Lối sống, cách ứng xử có trình độ cao: người có văn hóa; gia đình văn hóa mới. (5) Nền văn hóa một thời kì lịch sử cổ xưa, xác định được nhờ tổng thể các di vật tìm được có những đặc điểm chung: văn hóa Đông Sơn; văn hóa rìu hai vai.

Trong từ điển học sinh do NXB Giáo dục ấn hành năm 1971 viết: “Văn hóa” là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần (như trình độ sản xuất, khoa học, văn học nghệ thuật, nếp sống, đạo đức, tập quán...) mà loài người sáng tạo ra nhằm phục vụ những nhu cầu của mình trong quá trình lịch sử. Hay là: “Trình độ hiểu biết về những giá trị tinh thần thuộc về một thời kì lịch sử nhất định”